

Bản án số: 562/2021/HS-PT
Ngày 27 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tũu

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 125/2021/TLPT- HS ngày 22 tháng 2 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh Đ cùng đồng phạm do có kháng cáo của hai bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Huỳnh Đ, sinh năm 1957, tại Tiền Giang. Địa chỉ: Số 1016A Trần Hưng Đ, Phường 5, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Chỗ ở trước khi bị bắt: ấp 2, xã Đạo Thạnh, TP M); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1920 (đã chết) và bà Hồ Thị Nh, sinh năm 1923 (đã chết); Vợ là Ung Thị Thắm M, sinh 1959 cùng là bị can trong vụ án; Con có 3 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 02/10/2018. (Có mặt)

Ung Thị Thắm M, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 1016A Trần Hưng Đ, Phường 5, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Chỗ ở: ấp 2, xã Đạo Thạnh, TP Mỹ Tho; nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Ung Khương T, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Trương Thị N, sinh năm 1938; Chồng là Nguyễn Huỳnh Đ, sinh 1957 cùng là bị can trong vụ án; Con có 3 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt)

2. Người bào chữa cho hai bị cáo:

- Luật sư Nguyễn Thị Thu T - Văn phòng luật sư Huy Hoàng, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

- Luật sư Trịnh Vĩnh P - Văn phòng luật sư Trịnh Vĩnh Phúc, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

3. Bị hại: Ông Lê Trọng T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 1A9 khu dân cư C, đường X, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vĩnh K, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 287/42, đường N, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Lê Minh Th, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 182A Đoàn Thị N, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.2. Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1976. (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 182A Đoàn Thị N, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.3. Nguyễn Thành N, sinh năm 1969. (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 78A ấp 4, xã T, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.4. Nguyễn Thành Th, sinh năm 1954. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 95/1 đường L, khu phố 7, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

5. Người làm chứng:

5.1. Võ Thị Kim H, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 270 B, phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Huỳnh Thị Hồng K, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 189B/A10B C, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M là chủ Doanh nghiệp Tư nhân Đức M sản xuất bao bì, có trụ sở chính tại số 717 Ấp Bắc, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang hoạt động từ năm 2007.

Vào ngày 20/4/2010, Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M đã nhận chuyển nhượng (mua) quyền sử dụng đất số BA 112591 thửa số 189 tờ bản đồ số 37, diện tích 344,5 m² tọa lạc tại ấp 2, xã Trung An, thành phố M, tỉnh Tiền Giang của Lê Văn Ph, sinh năm 1953 và Đoàn Thị H, sinh năm 1953 cùng ngụ ấp M, xã Long Đ, huyện Châu Th, tỉnh Tiền Giang và nhận chuyển nhượng

(mua) quyền sử dụng đất số BA 112585 thửa số 190 tờ bản đồ số 37, diện tích 345,9 m² tọa lạc ấp 2, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang của Bùi Văn Bé H, sinh năm 1967 và Đặng Mai H, sinh năm 1966 cùng ngụ ấp Long Hòa B, xã Long Đ, huyện Châu Th, Tiền Giang. Sau đó, Đ và M xin hợp thửa của 2 thửa đất trên và được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 11/5/2010 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 192438 thuộc thửa đất số 193 tờ bản đồ số 37 diện tích 690,4 m² tọa lạc ấp 2, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang do Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M cùng đứng tên chủ sở hữu (gọi là thửa số 1).

Tiếp đó, ngày 26/4/2010, Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M đã nhận chuyển nhượng (mua) quyền sử dụng đất số BA 112586 thửa số 191 tờ bản đồ số 37, diện tích 1.445,7 m² tọa lạc ấp 2, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang của Lê Minh Th, sinh năm 1969 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1976 cùng ngụ số 182A Đoàn Thị N, Phường 5, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được UBND thành phố M cấp ngày 11/5/2010 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 112758 thành thửa đất số 191 tờ bản đồ số 37 diện tích 1.445,7 m² tọa lạc ấp 2, xã Trung An, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang do Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M cùng đứng tên chủ sở hữu (gọi là thửa số 2).

Đến ngày 12/5/2010, Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số BA112758 (thửa số 2) và ngày 01/7/2010, làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số BB 192438 (thửa số 1) cho Lê Minh Th, sinh năm 1969, ĐKTT: số 182A Đoàn Thị N, Phường 5, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang với giá 4.600.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng) có chứng thực tại Phòng công chứng số 1- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất cho Lê Minh Th xong, Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M có ý định chiếm đoạt tiền của người khác và đã lợi dụng việc chưa sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Đ nói dối với Lê Minh Th là có quen với cán bộ Sở xây dựng và yêu cầu anh Th đưa lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ (thửa số 1 và thửa số 2) để Đức chạy lo giấy phép xây dựng cho anh Thanh nên viết giấy biên nhận mượn lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ trên vào ngày 28/6/2010 cả hai Đ và M cùng ký tên trên giấy mượn tài sản.

Sau khi nhận lại bản gốc của 02 giấy CNQSDĐ trên, Đ và M tìm gặp chị Võ Thị Kim H, sinh năm 1980 và Huỳnh Thị Hồng K, sinh năm 1963 có nhiều mối quan hệ với các Ngân hàng giới thiệu để Đức và Mỹ vay tiền ngân hàng. Nhưng do Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M có nợ xấu ở các Ngân hàng (đã bị lên danh sách đen) nên không thể giúp vay ngân hàng được, do đó chị Huỳnh trả lời với Đ, M và nói “*đất này nếu bán thì sẽ giới thiệu cho bán*”. Đ và M đồng ý nên chị Kh (đang đi chung) giới thiệu bán cho anh Lê Trọng T, sinh năm 197. Sau đó, chị Kh dẫn anh Lê Trọng T đi xem đất, báo giá và đưa 02 bản sao giấy chứng nhận QSDĐ đối với 02 thửa đất trên cho anh Tr đi xem. Qua xem đất, anh Tr yêu cầu phải có xác nhận “*đất này không có quy hoạch và không tranh chấp mới mua*”. Chị H, chị Kh gặp Đ và M thông báo yêu cầu của anh Tr cho Đ và M.

Vào ngày 02/7/2010, Nguyễn Huỳnh Đ lợi dụng trong giấy CNQSDĐ vẫn còn đứng tên Đ và M nên Đ làm đơn xin xác nhận tình trạng đất để bỏ tước hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đến ngày 07/7/2010, Ủy ban nhân dân xã Trung An xác nhận *“Hiện ông Nguyễn Huỳnh Đ và bà Ung Thị Thắm M có 02 phần đất tại xã Trung An. Hiện không ai tranh chấp, không nằm trong khu quy hoạch giải tỏa là đúng...”* nhằm bỏ tước hồ sơ và tạo thêm lòng tin đưa cho anh Lê Trọng T. Khi anh Tr thấy bản gốc giấy tờ đất và đã xem thực tế 02 thửa đất đúng với giấy tờ, đồng thời có xác nhận tình trạng đất không nằm trong quy hoạch, không có tranh chấp nên quyết định mua.

Đến ngày 16/7/2010, anh Lê Trọng T trực tiếp gặp Đ và M xác định lại nguồn gốc đất và thống nhất giá chuyển nhượng 02 thửa đất trên là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) và đến Phòng Công chứng Cửu Long soạn và chứng thực hợp đồng chuyển nhượng. Sau khi ký hợp đồng và chứng thực xong, anh Tr liên hệ ngân hàng Phương Nam chi nhánh Tiền Giang thì không rút được số tiền nhiều nên thỏa thuận với Đ và M ngày hôm sau là ngày 17/7/2010 đến Hội sở ngân hàng Phương Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh để rút tiền thanh toán hợp đồng cho Đ, M. Ngày 17/7/2010, Đ và M đến Hội sở ngân hàng Phương Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh Tr trực tiếp vào rút số tiền 3.980.000.000đ (Ba tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng) và lấy tiền trong túi 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) giao cho Đức và Mỹ tổng cộng là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) để thanh toán hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên.

Ngày 04/10/2010, anh Lê Trọng T nộp hồ sơ xin đăng ký nhà ở và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) của 02 thửa đất trên tại UBND xã Trung An. Đến ngày 31/12/2010, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên môi trường TP Mỹ Tho có văn bản số 457/ĐKĐĐ thông báo phần đất có tranh chấp không chuyển nhượng được. Anh Lê Trọng T khởi kiện Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M tại Tòa án nhân TP Mỹ Tho, tại Tòa án hai cấp TP Mỹ Tho và tỉnh Tiền Giang, Nguyễn Huỳnh Đ khai nhận toàn bộ việc bán đất 02 lần như nội dung nêu trên (tức Đức và Mỹ bán hai thửa đất cho Lê Minh Th và Nguyễn Thị Ngọc D trước, sau đó muốn có tiền trả nợ người khác nên đã nói dối với Lê Minh Th mượn giấy đất và dùng các thủ đoạn gian dối tiếp tục chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho Lê Trọng T để chiếm đoạt bốn tỷ đồng). Đồng thời, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm dân sự theo Bản án dân sự phúc thẩm số 423/2012/DS-PT ngày 25/9/2012, với nội dung: *“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Minh Th và Nguyễn Thị Ngọc D; Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất giữa anh Lê Minh Th và Nguyễn Huỳnh Đ, chị Ung Thị Thắm M được ký kết ngày 12/5/2010, diện tích chuyển nhượng là 1.445,7m²..., Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất giữa anh Lê Minh Th và Nguyễn Huỳnh Đ, chị Ung Thị Thắm M được ký kết ngày 01/7/2010, diện tích chuyển nhượng là 690,4m²...; Anh Lê Minh Th được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất theo*

quy định của pháp luật”. Ngoài ra, bản án còn nhận định do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Lê Trọng T và Nguyễn Huỳnh Đ, chị Ung Thị Thắm M được lập ngày 16/7/2010 là hợp đồng được ký sau hợp đồng chuyển nhượng cho anh Lê Minh Th. Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang có hiệu lực pháp luật, anh Thanh đã làm thủ tục sở hữu 02 thửa đất trên, sau đó tiếp tục chuyển nhượng lại cho Nguyễn Thành Th và Nguyễn Thành Nghĩa.

Từ đó, anh Lê Trọng T tố cáo Đức và Mỹ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tiền Giang ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Huỳnh Đ, Ung Thị Thắm M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ các Điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Đ 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/7/2019.

Căn cứ các Điểm a Khoản 4 Điều 139, Điểm b, s Khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 2 điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Ung Thị Thắm M 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2021 bị cáo Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M kháng cáo kêu oan

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hai bị cáo kháng cáo kêu oan cho rằng mọi việc do ông Nguyễn Thành N làm hai bị cáo chỉ ký giấy tờ để vay tiền ngân hàng. Những vấn đề bị cáo trình bày tại phiên tòa phúc thẩm cũng giống trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, không có tình tiết gì mới, Luật sư cung cấp thêm một số tài liệu, giấy tờ chứng minh mối quan hệ làm ăn giữa bị cáo và ông Nh, những tài liệu chỉ xác định về quá trình chuyển nhượng 02 lần đất có xác nhận của Ngân hàng nhưng cũng không chứng minh được vai trò của ông Nh trong vụ án này. Việc giao dịch mua bán giữa bị cáo và bị hại chính bị cáo là người nhận tiền nhưng bị hại chưa được nhận đất. Tất cả giấy tờ đều thể hiện một mảnh đất bán cho hai người. Về vai trò đồng phạm quy kết bị cáo M là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Huỳnh Đ trình bày: Bị cáo oan nhưng không chứng minh được vì không có chứng cứ chứng minh là hợp đồng giả cách, nhưng xâu chuỗi những tình tiết rất logic hợp lý. Vụ án có nhiều mâu thuẫn: Trong kết luận điều tra thể hiện người mua khai không nhớ gì là vô lý vì đất đai là cả tài sản lớn nhưng khai không nhớ. Bị cáo chỉ đứng tên giùm ông Nh còn ông Nh là người trực tiếp giao dịch thì ông Nh phải là chủ đất. Còn đối với ông Lê Trọng T bị cáo không biết là ai mà bị cáo chỉ giao dịch với bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án để điều tra lại.

Bị cáo Ung Thị Thắm M trình bày: Bị cáo Đ vay số tiền của bà H đưa ông Nh đó là số tiền đặt cọc để ông Nh không chuyển nhượng đất cho ai nhằm mục đích bị cáo làm thủ tục vay ngân hàng. Thực tế chồng bị cáo vẫn trả lãi hàng tháng cho bà H. Bị cáo không biết gì về việc chuyển nhượng đất cho ai như thế nào, chồng kêu bị cáo ký thì bị cáo ký.

Người bào chữa cho bị cáo luật sư Trịnh Vĩnh P trình bày: Trong suốt quá trình điều tra và xét xử hai bị cáo đều kêu oan nhưng không đưa ra được chứng cứ pháp lý chứng minh đó là Hợp đồng giả cách. Về thủ tục tố tụng Tòa án sơ thẩm bỏ qua nhiều vấn đề: Việc xác định bà H và bà Kh là hai người làm chứng là không đúng, phải xác định họ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì theo lời khai của bị cáo Đ thì bị cáo chỉ liên hệ qua hai người này, bị cáo Đ cũng trả lãi cho hai người này, còn ông Tr chỉ đứng bên trong để chi tiền bị cáo không biết ông Tr là ai. Vợ chồng ông Th, bà D họ là người đứng tên GCNQSDĐ nhưng thực ra họ chỉ là người làm thuê, tại các phiên tòa sơ thẩm họ đều vắng mặt lý do ông Th bị tai nạn giao thông hiện tại nói bị tâm thần nhưng không có chứng cứ, bà D thì đều trả lời không biết. Những người nhận chuyển nhượng đều trả lời không biết là vô lý. Ông Nh khai không có quan hệ với bị cáo Đ nhưng hai người họ đều có mối quan hệ khăng khít trong làm ăn từ trước. Nếu có lỗi là của ông Nh, bị cáo Đ có thể chỉ đồng phạm của ông Nh. Về nội dung: Bị cáo Đ có thừa nhận có nhận tiền nhưng tiền đó chuyển cho ông Nh qua ông Thạch, bị cáo không khai báo gian dối trong đó. Bị cáo Đ có chứng cứ tại phiên tòa sơ thẩm đưa ra 06 GCNQSDĐ của người thân ông Nh cho ông Đức, bà Mỹ. Bị cáo đã cung cấp các bản sao có xác nhận của Ngân hàng cho Tòa án và Viện kiểm sát nhưng không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án để điều tra lại theo quy định.

Luật sư Nguyễn Thị Thu T tổng nhất ý kiến luật sư P.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị bị cáo trả lại 4.000.000.000 đồng và lãi suất ngân hàng cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Huỳnh Đ trình bày: Do mối quan hệ làm ăn từ trước nên ông Nguyễn Thành N có đưa lô đất làm dự án cho bị cáo mượn để làm thủ tục vay ngân hàng, khi vay xong sẽ trả lại tiền cho ông Nh. Việc làm ăn như vậy diễn ra nhiều lần, các lần trước đã thực hiện xong ngân hàng đã cho bị cáo vay, nhưng đến lô đất này đang trong giai đoạn khó khăn ngân hàng không cho vay, trong khi chờ thủ tục vay ngân hàng thì ông Nh kẹt tiền yêu cầu nên bị cáo trả tiền đất cho ông Nh. Do vậy, bị cáo làm hợp đồng giả cách chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Trọng Tr để vay của bà Võ Thị Kim H số tiền 4.000.000.000 đồng, khi vay xong bị cáo đưa cho ông Nh 3.000.000.000 đồng, còn 900.000.000 đồng trả tiền lãi, bị cáo giữ 100.000.000 đồng. Bị cáo chỉ giao dịch với bà H chứ không biết ông Tr là ai. Sau đó, ông Nh nói bị cáo lên Phòng Công chứng số 1 để làm Hợp đồng chuyển nhượng đất lần 02 cho ông Th. Do bị cáo nghĩ đã làm Hợp đồng tại Văn phòng công chứng Cửu Long rồi thì không có vấn đề gì nên bị cáo mới ký giấy tờ chuyển nhượng cho ông Th, nhưng không biết tại sao lại bị lừa ngày thành hợp đồng với ông Th lại có hiệu lực trước.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án còn nhiều mâu thuẫn: Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ mối quan hệ giữa hai bị cáo và ông Nguyễn Thành N. Bị cáo Đ khai tất cả mọi việc đều do ông Nh sắp xếp, chỉ đạo, bị cáo chỉ là người đứng tên giùm và ký Hợp đồng chuyển nhượng theo ý của ông Nh do bị cáo và ông Nh có mối quan hệ chặt chẽ, nhiều lần mua bán đất với nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho giữa vợ chồng bị cáo đối với bà Nguyễn Thị Nhân (mẹ ruột ông Nh đã trên 80 tuổi) và ông Lê Minh Th (người làm công của vợ ông Nh) đều là người quen biết với ông Nh. Tất cả những lần trên bị cáo khai đều do ông Nh nhờ người thân và nhân viên đứng tên. Chính ông Nh là người đứng ra giao dịch với bị cáo Đ nhưng ông Nh trình bày không có mối quan hệ gì với bị cáo. Vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ?

Ngoài ra, bị cáo khai nhận số tiền 4.000.000.000 đồng trực tiếp từ bà Võ Thị Kim H tại Ngân hàng Phương Nam chứ không phải ông Nguyễn Trọng Tr. Bị cáo cũng khai đã trả lãi 02 lần cho bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người bị hại khai cũng không biết bị cáo nhận tiền trực tiếp từ ai và không biết bà H và ông Tr có mối quan hệ như thế nào? Vậy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực chất có phải là hợp đồng giả cách hợp đồng vay tài sản như lời khai của bị cáo hay không? Cần phải thu thập thêm chứng cứ và lời khai của những người liên quan và những người làm chứng để làm rõ vấn đề này.

Luật sư cho rằng các lời khai của những người liên quan và người làm chứng đều đứng về phía ông Nh, giữa bị cáo và những người chuyển nhượng như bà Ngô Thị Nhân, Lê Minh Th, bà Nguyễn Thị Ngọc D (người thân của ông Nh) nhận chuyển nhượng đất của bị cáo Đ và Mỹ nhưng tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm đều khai không nhớ gì là vô lý. Xét thấy, trong quá trình điều tra những người đã ký giấy tờ bán đất cho bị cáo Đ đều khai không nhớ mặt bị cáo. Điều đó cho thấy rằng họ đã có hay chưa lần nào giao dịch với bị cáo, bởi lẽ

mua bán đất là tài sản có giá trị lớn, giao dịch nhiều lần mới đi đến thống nhất để ký hợp đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy lời bào chữa của luật sư là có căn cứ, vụ án còn nhiều vấn đề mâu thuẫn chưa được làm rõ, cần thiết phải hủy toàn bộ bản án để điều tra lại theo đúng quy định. Đây là những tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm cần điều tra làm rõ, Hội đồng xét xử sơ thẩm không có lỗi.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Đ và Ung Thị Thắm M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ lại cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang để điều tra lại vụ án.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Huỳnh Đ đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý lại vụ án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Huỳnh Đ và bị cáo Ung Thị Thắm M không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Công an tỉnh Tiền Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Trại giam tỉnh Tiền Giang; bị cáo
- Bị cáo tại ngoại
- Bị hại và NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án (6). 20b (MTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân